

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Nhất
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hảo- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khổng Thị K, sinh năm 1993, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh V.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1990, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện L tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 7 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Khổng Thị K trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh T ngày 25 tháng 3 năm 2011, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn H, xã X. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghi ngờ chị, ghen tuông rồi từ đó thường xuyên đánh đập, chửi bới, hành hạ chị dã man, có lần chị phải nhập viện điều trị. Năm 2015, lúc đó do anh T đánh chị trong lúc chị đang mang thai nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh T có đến nhà xin lỗi nên chị tiếp tục về chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, sau đó anh T vẫn không hề sửa đổi mà liên tục vì lý do nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng xảy ra xô xát, anh T lại đánh đập chị nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7/2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 01/7/2016, hiện nay các cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị xin được cháu Nguyễn Phương A, còn cháu Nguyễn Đức M để anh T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện tại, chị đang làm công nhân ở thành phố Vĩnh Yên thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/ tháng nên chị có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Anh xác định về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị K trình bày là đúng. Hai vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn vào khoảng đầu năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh nghi ngờ chị K có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng có xảy ra xô xát, anh có tát chị K. Quá trình chung sống cùng nhau, thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là chị K lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở mà không nói gì với ai. Từ khi kết hôn đến nay, chị K đã 03 lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến trưa ngày 04/7/2022, vợ chồng anh xảy ra trục trặc từ trước đó khoảng một tuần nhưng không hòa giải được, nên hôm đó vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã nhau và trong lúc nóng giận mất bình tĩnh, anh có tát chị K 02 cái, sau đó chị K bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Anh xác định vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn, xô xát nhau trong cuộc sống hôn nhân nên chị K làm đơn ly hôn anh không đồng ý ly hôn. Anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế.

Về con chung: anh xác định như chị K trình bày là đúng. Hiện cả cháu A và cháu Đ đang ở cùng anh. Nếu ly hôn, anh xin nuôi cháu Đ, còn cháu Phương A để chị K nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện anh đang làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị K được ly hôn anh T. Về con chung nên giao cho chị K và anh T mỗi người nuôi 01 cháu. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Khổng Thị K xin ly hôn anh Nguyễn Anh T trú tại thôn H, xã X, huyện L, tỉnh V nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Khổng Thị K và anh Nguyễn Anh T đều thể hiện: Ngày 25 tháng 3 năm 2011 anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Cả chị K và anh T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T nghi ngờ chị K có quan hệ bất chính với người khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, anh T đã nhiều lần đánh chị, có lần phải nhập viện điều trị, có lần đánh chị ngay cả khi chị đang mang thai. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn anh T, còn anh T xác định anh vẫn còn tình cảm với chị K và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên chị K xin ly hôn

anh không đồng ý. Xét nguyện vọng của các bên Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng chị K và anh T có bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T đã vài lần đánh chị K. Khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin đoàn tụ cũng chỉ làm kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Như vậy, việc chị K xin ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

2.2 Về con chung: chị K, anh T xác nhận có cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 01/7/2016. Hiện các cháu đang ở cùng anh T. Hai bên thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A. Xét thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K, cho chị Không Thị K được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2. Xử về con chung: Giao cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/02/2012. Giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 01/7/2016 (hiện các cháu đang ở cùng anh T). Sau khi ly hôn, chị K, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Khổng Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0006323 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị K đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện L;
- THA L.
- UBND xã X
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ; văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp